

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **94/2018/KDTM-ST**  
Ngày: 08-11-2018  
V/v “tranh chấp về  
Hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Lam.

2. Bà Huỳnh Ngọc Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Nga, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Phương Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2018 về “tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2018/QĐST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Vũ Thị P – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T; địa chỉ: 23/1C, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

2. *Bị đơn:* ông Lý Phương M, sinh năm 1989; địa chỉ: 211/2, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thị Kiều P; địa chỉ: 211/2, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị P – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T trình bày:*

Bà là chủ Doanh nghiệp tư nhân T, chuyên phân phối các hàng bia và nước ngọt cho các tiệm tạp hóa và đại lý nhỏ lẻ khác. Khoảng tháng 5/2017, thông qua giới thiệu của anh Đặng Đức L, trú tại 18/1B, ấp T, xã G, huyện T, bà P có hợp đồng mua bán (thỏa thuận bằng miệng) với vợ chồng ông Lý Phương M, bà Lê Thị Kiều P1. Theo hợp đồng hai bên thỏa thuận thì bà sẽ cung cấp mặt hàng bia và nước ngọt để vợ chồng ông M bán lại cho các quán ăn và karaoke, bên mua phải trả tiền ngay khi nhận hàng, đối với két vỏ bia nếu mất thì phải bồi thường 60.000đ một két vỏ bia, hai bên không có thỏa thuận về thời hạn và việc chấm dứt hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông M thanh toán đầy đủ 05 đợt hàng đầu tiên, sau đó từ ngày 10/6/2017 thì vợ chồng ông M mua hàng và nợ, thanh toán dần, bà đồng ý vì tin tưởng vợ chồng ông M. Đến ngày 11/11/2017 thì vợ chồng ông M nợ tiền hàng tổng cộng là 152.969.000đ và 160 két vỏ bia. Bà liên hệ yêu cầu vợ chồng ông M yêu cầu thanh toán tiền hàng, chỉ cho nợ 40.000.000đ trở xuống thì mới cho lấy tiếp hàng nhưng vợ chồng ông M không trả bớt tiền nên bà ngưng giao hàng và chấm dứt hợp đồng. Sau nhiều lần gọi điện yêu cầu, vợ chồng ông M không trả, còn dùng lời lẽ hăm dọa nên bà làm đơn tố cáo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đề nghị xử lý. Ngày 30/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ban hành Thông báo số 02/TB, nội dung xác định vụ việc có tính chất dân sự, đề nghị bà khởi kiện tại Tòa án.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu ông Lý Phương M cùng vợ là bà Lê Thị Kiều P1 cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền hàng còn thiếu là 152.969.000đ, giá trị của 160 két vỏ bia là 9.600.000đ, tổng cộng 162.569.000đ.

*\* Bị đơn ông Lý Phương M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Kiều P1 vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*\* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai (tài liệu Tòa án thu thập được trong quá trình thu thập chứng cứ), bị đơn ông Lý Phương M khai:*

Sau khi chấp hành xong án phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, ông về địa phương không có việc làm ổn định nên ông sang nhượng lại cơ sở bia nước ngọt tên HL tại ấp D, xã G, huyện T của anh Đặng Đức L ngụ tại xã G, huyện T. Sau khi nhận sang nhượng, ông đổi tên cơ sở là MP, được anh L giới thiệu mua hàng bia và nước ngọt của bà Vũ Thị P Chủ Doanh nghiệp tư nhân T để bán lại cho các quán ăn uống trên địa bàn các xã. Ông và bà P thỏa thuận việc ông mua hàng đúng giá, đồng thời bà P cho ông gói đầu hàng hóa tối đa 140.000.000đ, phương thức thanh toán là mỗi đợt lấy hàng, ông được gói đầu lại vài chục triệu đồng, khi đã đủ số tiền gói đầu thì phải thanh toán đủ mới lấy hàng, nếu mất két vỏ bia thì phải bồi thường 60.000đ/két vỏ bia.

Ông nhận hàng là các loại bia và nước ngọt của bà P, mỗi đơn vị hàng hòa khi bán ra ngoài cho các quán chỉ có lời 3.500đ. Khi nợ bà P số tiền hơn 150.000.000đ và khoảng 160 két vỏ bia, bà P nhắn tin cho ông nói chỉ cho nợ tối đa 40.000.000đ. Khoảng giữa tháng 11/2017, ông phát hiện bà P bán bia, nước ngọt cho ông với giá cao hơn thị trường, ông không lấy hàng nữa nên bà P làm đơn tố cáo.

Hiện ông còn nợ bà P số tiền khoảng 153.000.000đ và 160 két vỏ bia, ông xin trả dần số tiền còn thiếu mỗi tháng 500.000đ cho đến hết nợ. Về số két vỏ bia, nếu bà P không lấy vỏ thì ông sẽ quy ra tiền trả cho bà P.

*\* Tại phiên tòa, bà P cho rằng việc ông M khai với Cơ quan điều tra việc bà P cho ông M gói đầu hàng hóa tối đa 140.000.000đ là không đúng, bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nêu trên.*

*\* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện T:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Riêng việc Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp thuộc tranh chấp về dân sự là chưa phù hợp.

- Về việc giải quyết tranh chấp: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc ông M và bà P1 trả cho bà P số tiền 162.569.000đ, ông M và bà P phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng mua bán bia và nước giải khát, được thụ lý theo trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự. Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết thể hiện nguyên đơn là cá nhân có đăng ký kinh doanh, giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập đều vì mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại, cụ thể là tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên cần xác định lại cho chính xác. Nơi cư trú của bị đơn và nơi thực hiện hợp đồng đều tại huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: xét việc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hiện cư trú tại địa chỉ nguyên cung cấp, đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và hồ sơ khởi kiện của nguyên đơn theo quy định nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ được thu thập có tại hồ sơ để giải quyết.

[2.1] Xét các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là các hóa đơn bán hàng và sổ theo dõi nợ thể hiện: 05 hóa đơn bán hàng do Doanh nghiệp tư nhân T xuất đều cho khách hàng có tên là MP, 02 sổ theo dõi nợ thể hiện khách hàng MP còn nợ số tiền hàng tổng cộng là 152.969.000đ và 160 két vỏ bia chai. Tuy các hóa đơn bán hàng không có ký nhận của khách mua hàng, nhưng sổ theo dõi nợ đối với khách hàng MP có chữ ký của người có tên M và P1.

[2.2] Xét Biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai đối với bị đơn ông Lý Phương M, đây là chứng cứ Tòa án thu thập được theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng nên được xác định là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại biên bản lấy lời khai này, ông M khai: sau khi nhận sang nhượng lại cơ sở bia nước ngọt tên HL tại ấp D, xã G, huyện T, ông đổi tên cơ sở là MP, được anh L giới thiệu mua hàng bia và nước ngọt của bà Vũ Thị P – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T để bán lại cho các quán ăn uống trên địa bàn các xã. Do bà P bán hàng cho ông cao hơn giá thị trường nên ông không lấy hàng của bà P nữa, hiện ông còn nợ bà P số tiền khoảng 153.000.000đ và 160 két vỏ bia, theo thỏa thuận nếu mất vỏ két bia thì ông phải bồi thường 60.000đ/két vỏ bia. Ông xin trả dần số tiền còn thiếu mỗi tháng 500.000đ cho đến hết nợ. Về số két vỏ bia, nếu bà P không lấy vỏ thì ông sẽ quy ra tiền trả cho bà P. Như vậy, đủ cơ sở xác định bị đơn ông Lý Phương M có mua hàng là bia và nước ngọt của nguyên đơn bà Vũ Thị P – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T, hai bên đã chấm dứt hợp đồng, hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 152.969.000đ và 160 két vỏ bia theo như nguyên đơn trình bày.

[2.3] Xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng phân phối số 0304/16/HVBB ngày 01/01/2017 ký giữa Doanh nghiệp tư nhân T với Công ty TNHH bia và giải khát Heineken Việt Nam là đơn vị cung cấp hàng cho Doanh nghiệp tư nhân T, kèm phụ lục hợp đồng số 01 cùng ngày thì giá bao bì sản phẩm của một két vỏ bia chai là 60.000đ. Bà P và ông M cũng trình bày hai bên thỏa thuận trị giá một két vỏ bia chai là 60.000đ, ông M không giao trả được nên việc bà P yêu cầu ông M bồi thường trị giá 160 két vỏ bia chai với số tiền 9.600.000đ là phù hợp. Như vậy, tổng số tiền ông M còn nợ là 162.569.000đ (152.969.000đ + 9.600.000đ).

[2.4] Xét yêu cầu của bà P buộc bà Lê Thị Kiều P1 cùng có trách nhiệm trả số tiền trên nhận thấy: bà P1 là vợ của ông M, cùng tham gia giao dịch mua bán với bà P, vì mục đích tạo lập kinh tế gia đình nên căn cứ quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của bà P, buộc ông M và bà P1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà P số tiền 162.569.000đ. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến ngày thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại 2005.

[3] Về việc ông M xin được trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến hết nợ nhưng bà P không đồng ý nên không có cơ sở để xem xét. Ngoài yêu cầu khởi kiện nêu trên, bà P không còn yêu cầu nào khác nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: ông M và bà P1 phải chịu toàn bộ án phí do yêu cầu của bà P được chấp nhận là 8.128.450đ (162.569.000đ x 5%); hoàn trả bà P tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.064.225đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án cũng như ý kiến về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 93, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật Thương mại 2005; Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị P – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T đối với ông Lý Phương M về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

1.1. Buộc ông Lý Phương M và bà Lê Thị Kiều P1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vũ Thị P – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T số tiền 162.569.000đ (Một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến ngày thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại 2005.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí: ông Lý Phương M và bà Lê Thị Kiều P1 phải chịu 8.128.450đ (Tám triệu một trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả bà Vũ Thị P – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.064.225đ (Bốn triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 008512 ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo: bà Vũ Thị P – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Lý Phương M và bà Lê Thị Kiều P1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được cấp, tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân T. Đồng Nai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Viện kiểm sát ND huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trung Hưng**